

Số: /2019/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch**

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch;*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch**

**1. Khoản 2, khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Chuyên ngành về lữ hành quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch được thể hiện trên bằng tốt nghiệp một trong các ngành, nghề, chuyên ngành sau:

a) Các ngành, nghề: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị lữ hành; Điều hành tour du lịch; Quản trị du lịch MICE; Marketing du lịch; Du lịch; Du lịch lữ hành; Quản lý và kinh doanh du lịch; Đặt giữ chỗ du lịch; Đại lý lữ hành; Hướng dẫn du lịch.

b) Các chuyên ngành về du lịch hoặc hướng dẫn du lịch không thuộc ngành quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp bằng tốt nghiệp chưa thể hiện chuyên ngành quy định tại khoản này thì bổ sung bản sao có chứng thực bằng điểm hoặc phụ lục văn bằng hoặc kết quả quá trình học tập để chứng minh chuyên ngành đã được đào tạo.

3. Bản sao văn bằng, bằng điểm, phụ lục văn bằng, kết quả quá trình học tập do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.”

**2. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ sở đào tạo đáp ứng các tiêu chí sau được tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch:

a) Là cơ sở đào tạo bậc cao đẳng trở lên có chức năng đào tạo ngành, nghề quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

b) Có đề án tổ chức thi bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây: ngân hàng đề thi được thẩm định, phê duyệt đáp ứng nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư này và quy định của Tổng cục Du lịch về cấu trúc, dung lượng đề thi; quy trình tổ chức; cơ sở vật chất kỹ thuật và hội đồng thi;

c) Không vi phạm các quy định về tổ chức tuyển sinh, kiểm tra, thi, cấp văn bằng, chứng chỉ trong thời hạn 03 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo tổ chức kỳ thi.”

**3. Điểm b khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Chịu trách nhiệm về nội dung ngân hàng đề thi nghiệp vụ điều hành du lịch và cập nhật, bổ sung 02 năm một lần ngân hàng đề thi;”

**4. Điểm d khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“d) Gửi thông báo kèm theo đề án tổ chức thi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này về Tổng cục Du lịch trước 30 ngày đối với tổ chức kỳ thi lần 1; gửi thông báo trước 15 ngày đối với tổ chức kỳ thi tiếp theo;”

**5. Điểm b khoản 3 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch;”

**6. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 5 như sau:**

“d) Công bố, cập nhật danh sách cơ sở đào tạo được tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch trên trang tin điện tử quản lý lý hành của Tổng cục Du lịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở đào tạo.”

**7. Khoản 4 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“4. Chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa, chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế được cấp cho người đạt kết quả trong kỳ thi nghiệp vụ điều hành du lịch tương ứng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi.”

**8. Điều 13 được sửa đổi như sau:**

**“Điều 13. Tiêu chuẩn thành thạo ngoại ngữ của hướng dẫn viên du lịch quốc tế**

1. Người sử dụng thành thạo ngoại ngữ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Luật Du lịch là người đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành, chuyên ngành ngoại ngữ;
- b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên kèm theo giấy tờ chứng minh chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài (nếu có);
- c) Có chứng chỉ ngoại ngữ được cấp trong vòng 5 năm từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư này do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ chứng minh chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.”

**9. Khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Cơ sở đào tạo đáp ứng các tiêu chí sau được tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch:

a) Là cơ sở đào tạo bậc cao đẳng trở lên có chức năng đào tạo ngành, nghề hướng dẫn du lịch, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

b) Có đề án tổ chức thi gồm các nội dung chủ yếu sau đây: ngân hàng đề thi được thẩm định, phê duyệt đáp ứng nội dung quy định tại Điều 14 Thông tư này và quy định của Tổng cục Du lịch về cấu trúc, dung lượng đề thi; quy trình tổ chức; cơ sở vật chất kỹ thuật và hội đồng thi;

c) Không vi phạm các quy định về tổ chức tuyển sinh, kiểm tra, thi cấp văn bằng, chứng chỉ trong thời hạn 03 năm tính đến ngày cơ sở đào tạo tổ chức kỳ thi.

**10. Điểm b khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Chịu trách nhiệm về nội dung ngân hàng đề thi nghiệp vụ hướng dẫn du lịch và cập nhật, bổ sung 02 năm một lần ngân hàng đề thi;”

**11. Điểm d khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“d) Gửi thông báo kèm theo đề án tổ chức thi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này về Tổng cục Du lịch trước 30 ngày đối với tổ chức kỳ thi lần 1; gửi thông báo trước 15 ngày đối với tổ chức kỳ thi tiếp theo;”

**12. Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch;

c) Yêu cầu cơ sở đào tạo không được tổ chức thi nghiệp vụ hướng dẫn du lịch khi phát hiện cơ sở đào tạo không đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi đáp ứng đủ tiêu chí;”

**13. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 15 như sau:**

“d) Công bố, cập nhật danh sách cơ sở đào tạo đã tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trên trang tin điện tử quản lý hướng dẫn viên của Tổng cục Du lịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở đào tạo.”

**14. Khoản 4 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“4. Chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa, chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế được cấp cho người đạt kết quả trong kỳ thi nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tương ứng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tổ chức thi.”

**15. Bổ sung Điều 17b như sau:**

**“Điều 17b: Chuyên ngành hướng dẫn du lịch**

1. Chuyên ngành hướng dẫn du lịch quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Du lịch được thể hiện trên bằng tốt nghiệp. Trường hợp bằng tốt nghiệp chưa thể hiện chuyên ngành hướng dẫn du lịch thì bổ sung bản sao có chứng thực bằng điểm hoặc phụ lục văn bằng hoặc kết quả quá trình học tập để chứng minh chuyên ngành đã được đào tạo.

2. Bản sao văn bằng, bằng điểm, phụ lục văn bằng, kết quả quá trình học tập do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.”

**16. Khoản 1 Điều 18 được sửa đổi như sau:**

“1. Phụ lục I: Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền cấp”.

**17. Khoản 3 Điều 20 được sửa đổi như sau:**

“3. Chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch theo quy định tại khoản 1 mục III Thông tư số 89/2008/TT-BVHTTDL được cấp trước ngày 31 tháng 3 năm 2018 có giá trị theo thời hạn ghi trên Chứng chỉ để cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế và thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.”

**Điều 2. Thay thế Phụ lục, biểu mẫu**

1. Thay thế Phụ lục I: Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền cấp ban hành kèm theo Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch bằng Phụ lục I được ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế Mẫu số 01 - Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, Mẫu số 02 - Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Phụ lục III quy định về mẫu giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, mẫu thẻ hướng dẫn viên du lịch ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 của Phụ lục II quy định về mẫu giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành được ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ sở đào tạo tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du

lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Cổng thông tin điện tử Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục Du lịch;
- Sở Du lịch, Sở VHTTDL, Sở VHTTTTDL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, TCDL (05). MQ (400).

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Thiện**

**Phụ lục I**  
**Danh mục chứng chỉ, ngoại ngữ**  
**do cơ quan có thẩm quyền cấp**  
*(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BVHTTDL ngày /01 /2019*  
*của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

<b>TT</b>	<b>Loại chứng chỉ</b>	<b>Cấp độ</b>
<b>1</b>	<b>Tiếng Anh</b>	
1.1	Chứng chỉ TOEFL	iBT 61 điểm.
1.2	Chứng chỉ IELTS	5.5 điểm
	Chứng chỉ Aptis	151 điểm
1.3	Chứng chỉ TOEIC	TOEIC Reading and Listening 650 điểm, TOEIC Speaking 160 điểm, TOEIC Writing 150 điểm
1.4	Chứng chỉ OPIc + WPT + LPT & RPT của ACTFL	Advanced Mid
<b>2</b>	<b>Tiếng Nhật</b>	
2.1	Chứng chỉ 5 cấp JLPT	Cấp độ N2
2.2	Chứng chỉ OPIc + WPT + LPT & RPT của ACTFL (1)	Advanced Mid
<b>3</b>	<b>Tiếng Trung</b>	
3.1	Chứng chỉ 6 cấp HSK + HSK K	Cấp độ 4 + HSK K intermediate
3.2	Chứng chỉ TOCFL	Cấp độ 4
<b>4</b>	<b>Tiếng Đức</b>	
4.1	Chứng chỉ ZDfB	Cấp độ B2
4.2	Chứng chỉ TestDaF	Cấp độ 4
<b>5</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	
5.1	Chứng chỉ DELF	Cấp độ B2
5.2	Chứng chỉ TCF	Cấp độ 4
5.3	Diplôme de Langue	
<b>6</b>	<b>Tiếng Tây Ban Nha</b>	
-	Chứng chỉ DELE	Cấp độ Intermedio
<b>7</b>	<b>Tiếng Ý</b>	
7.1	Chứng chỉ DILI	
7.2	Chứng chỉ CILS	Cấp độ B2
7.3	Chứng chỉ CELI	Cấp độ 3
<b>8</b>	<b>Tiếng Hàn Quốc</b>	
8.1	Chứng chỉ KLPT	Bậc 4
8.2	Chứng chỉ TOPIK (thi Nghe, Đọc, Viết) + OPIc tiếng Hàn	TOPIK Bậc 4 và OPIc tiếng Hàn Advanced Low
<b>9</b>	<b>Tiếng Nga</b>	
9.1	Chứng chỉ TRKI	Cấp độ 3
9.2	Chứng chỉ TORFL	

**Phụ lục II****Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành**

(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BVHTTDL  
ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**Mẫu số 01****Mẫu Giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa****1. Trang bìa:**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH.....



**GIẤY PHÉP**

**KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**



**1. Trang nội dung thứ nhất:**

UBND TỈNH/TP..... <b>SỞ DU LỊCH/SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO          VÀ DU LỊCH</b> -----	<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b> -----
<h2 style="color: red;">GIẤY PHÉP</h2> <h3 style="color: blue;">KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA</h3> <p style="color: blue;">Số GP: .....(1)...../(2)...../(3) - GP LHND          (Cấp lần...(4)....)</p>	
<p><b>1. Tên doanh nghiệp:</b> .....</p> <p>.....</p> <p>Tên giao dịch: .....</p> <p>Tên viết tắt: .....</p>	
<p><b>2. Trụ sở chính:</b> .....</p> <p>Điện thoại:..... Fax: .....</p> <p>Email: ..... Website: .....</p>	
<p><b>3. Tài khoản ký quỹ số:</b> .....</p> <p>Tại Ngân hàng: .....</p> <p>.....</p>	
<p><b>4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:</b></p> <p>Chức danh: .....</p> <p>Họ và tên: ..... Nam/Nữ: .....</p> <p>Sinh ngày...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch: .....</p> <p>Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số: .....</p> <p>Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....</p>	
<p>....., ngày.....tháng..... năm .....</p> <p><b>GIÁM ĐỐC</b></p>	



**Ghi chú:**

(1): Số Giấy phép gồm mã số tỉnh và mã số thứ tự của doanh nghiệp, cách nhau bởi dấu "-", trong đó:

- Mã số tỉnh gồm 02 ký tự theo quy định của Tổng cục Thống kê;
- Số thứ tự của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa gồm 04 ký tự, từ 0001 đến 9999.

(2): Năm cấp Giấy phép lần đầu.

(3): Viết tắt của Sở Du lịch (SDL) hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (SVHTTDL).

(4): Số thứ tự của lần cấp đổi và cấp lại. Ví dụ: cấp lần thứ 2 (trước đó đã đổi hoặc cấp lại một lần và lần này tiếp tục xin cấp đổi hoặc xin cấp lại).

*Quy định chung: Trang bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng. Trang nội dung thứ nhất và thứ hai kích thước khổ A4, bìa cứng, có nền màu hồng cánh sen, nền hoa văn chìm, chữ đen. Chữ "GIẤY PHÉP" trong trang thứ nhất và chữ "DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT", "I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (KD DVLHND), II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích Khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch), III. Các quy định của Nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành" trong trang nội dung thứ hai có màu đỏ.*

Màu nền bìa: C=0; M=100; Y=100; K=30

- Chữ trên bìa: chữ trắng: C=0; M=0; Y=0; K=0

chữ vàng: C=0; M=0; Y=100; K=0

chữ đỏ: C=0; M=100; Y=100; K=30

Màu hình hoa văn ở dưới trang nội dung: C=5; M=75; Y=0; K=0

- Chữ đen: C=0; M=0; Y=0; K=100

- Chữ đỏ: C=15; M=100; Y=100; K=10

- Chữ xanh: C=100; M=75; Y=25; K=10

## 2. Trang nội dung thứ hai:

### **DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT**

#### **I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (KD DVLHND)**

1. Xuất trình giấy phép KD DVLHND khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung giấy phép KD DVLHND;
3. Nghiêm cấm cho thuê, cho mượn giấy phép KD DVLHND;
4. Khi mất giấy phép KD DVLHND phải khai báo với cơ quan công an, cơ quan cấp giấy phép và làm thủ tục cấp lại giấy phép theo quy định.

#### **II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích Khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch)**

1. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản;
2. Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch;
3. Doanh nghiệp không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch;
4. Doanh nghiệp làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;
5. Doanh nghiệp lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật;
6. Doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;
7. Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 37 Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;
8. Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

#### **III. Các quy định của Nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành**

Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lữ hành được đăng tải tại trang web: [vietnamtourism.gov.vn](http://vietnamtourism.gov.vn); [quanlyluhanh.vn](http://quanlyluhanh.vn)

**Mẫu Giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế**  
(Kèm theo Thông tư số /2019/TT-BVHTTDL ngày / /2019  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**1. Trang bìa**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**TỔNG CỤC DU LỊCH**



**GIẤY PHÉP**

**KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH QUỐC TẾ**  
**INTERNATIONAL TOUR OPERATOR LICENCE**



**2. Trang nội dung thứ nhất:**

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG CỤC DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
<h2 style="color: red; margin: 0;">GIẤY PHÉP</h2>	
<b>KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH QUỐC TẾ</b> <b>INTERNATIONAL TOUR OPERATOR LICENCE</b>	
<i>Số GP/No.: .....(1)..../(2)..../TCDL - GP LHQT</i> <i>(Cấp lần/Issued for...(3)....time)</i>	
<b>1. Tên doanh nghiệp:</b> ..... <b>Enterprise's name in foreign language:</b> ..... Tên viết tắt/ Brief name: .....	
<b>2. Trụ sở chính/Head Office:</b> ..... ..... Tel: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....	
<b>3. Tài khoản ký quỹ số/Deposit account No.:</b> ..... Tại Ngân hàng/At bank: .....	
<b>4. Phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành/Travel Service boundaries:</b> .....(4)..... .....	
<b>5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/Legal representative</b> ..... Chức danh/Title: ..... Họ và tên/Name: ..... Giới tính/Gender: ..... Sinh ngày/Date of birth: ...../...../..... Dân tộc/Ethnic group: ..... Quốc tịch/Nationality: ..... .....(5)...../ID/Passport No.: ..... Ngày Cấp/Date of issue: ...../...../..... Nơi cấp/Place of issue: .....	
<i>Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....</i> <b>TỔNG CỤC TRƯỞNG</b>	

**Ghi chú:**

(1): Số Giấy phép gồm mã số tỉnh và mã số thứ tự của doanh nghiệp, cách nhau bởi dấu “-”, trong đó:

- Mã số tỉnh gồm 02 ký tự theo quy định của Tổng cục Thống kê;
- Số thứ tự của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế gồm 04 ký tự, từ 0001 đến 9999.

(2): Năm cấp Giấy phép lần đầu.

(3): Số thứ tự của lần cấp đổi và cấp lại. Ví dụ: cấp lần thứ 2 (trước đó đã đổi hoặc cấp lại một lần và lần này tiếp tục xin cấp đổi hoặc xin cấp lại).

(4): Theo phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế quy định tại Điều 30 Luật Du lịch.

(5): Số Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.

Quy định chung: Trang bìa cứng, kích thước khổ A3 gấp đôi, nền màu đỏ, chữ và quốc huy vàng. Trang nội dung thứ nhất và thứ hai kích thước khổ A4, bìa cứng, có nền màu hồng cánh sen, nền hoa văn chìm, chữ đen. Chữ “GIẤY PHÉP” trong trang thứ nhất và chữ “DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT”, “I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (KD DVLHND), II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích Khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch), III. Các quy định của Nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành” trong trang nội dung thứ hai có màu đỏ.

Màu nền bìa: C=0; M=100; Y=100; K=30

- Chữ trên bìa: chữ trắng: C=0; M=0; Y=0; K=0

chữ vàng: C=0; M=0; Y=100; K=0

chữ đỏ: C=0; M=100; Y=100; K=30

Màu hình hoa văn ở dưới trang nội dung: C=40; M=0; Y=5; K=0

Màu hình hoa văn ở dưới trang nội dung: C=5; M=75; Y=0; K=0

- Chữ đen: C=0; M=0; Y=0; K=100

- Chữ đỏ: C=15; M=100; Y=100; K=10

- Chữ xanh: C=100; M=75; Y=25; K=10



### 3. Trang nội dung thứ hai:

## DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

### I. Quy định sử dụng Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (KD DVLHQT)

1. Xuất trình giấy phép KD DVLHQT khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung giấy phép KD DVLHQT;
3. Nghiêm cấm cho thuê, cho mượn giấy phép KD DVLHQT;
4. Khi mất giấy phép KD DVLHQT phải khai báo với cơ quan công an, cơ quan cấp giấy phép và làm thủ tục cấp lại giấy phép theo quy định.

### II. Các trường hợp thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (trích Khoản 1 Điều 36 Luật Du lịch)

1. Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản;
2. Doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch;
3. Doanh nghiệp không đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Du lịch;
4. Doanh nghiệp làm phương hại đến chủ quyền, lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh;
5. Doanh nghiệp lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật;
6. Doanh nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;
7. Doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 37 Luật Du lịch, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;
8. Doanh nghiệp giả mạo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

### III. Các quy định của Nhà nước về kinh doanh dịch vụ lữ hành

Các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lữ hành được đăng tải tại trang web: [vietnamtourism.gov.vn](http://vietnamtourism.gov.vn): [quanlyluhanh.vn](http://quanlyluhanh.vn)